

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HS-PT
Ngày: 06-4-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài – Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 14/2018/HSPT ngày 21 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo Trương Văn P do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2017/HSST ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

- Bị cáo có kháng cáo: **Trương Văn P**, sinh năm 1977 tại tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: Ấp D, xã T, huyện N, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn K và bà Võ Thị N; có vợ tên Nguyễn Thị Thanh T và 02 người con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2009; tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 15/11/2016 Trương Văn P, sinh năm 1977 (không có giấy phép lái xe mô tô hạng A3) điều khiển xe mô tô ba bánh biển số 60Y2-xxxx chở Trương Quốc P, sinh năm 1989 ngồi trên thùng để phụ tùng và dụng cụ sửa xe phía trước bên trái thùng chở hàng của xe mô tô lưu thông trên đường ĐA 09 theo hướng từ cầu T đi xã H, huyện N khi đến ngã ba nơi giao nhau giữa đường ĐA 09

và đường vào Tổ nhân dân tự quản số 05 thuộc Ấp D, xã T, P điều khiển xe chuyển hướng rẽ trái không đảm bảo an toàn dẫn đến đụng vào thân cây dừa trong lề trái làm P chết tại chỗ.

Vật chứng thu giữ trong vụ án là một xe mô tô ba bánh biển số 60Y2-xxxx, số máy LX162MK-PCxxxxxx, số sườn HKZ xxxxxx, một biển số 60Y2-xxxx.

Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định: Hiện trường là đoạn đường cong, mặt đường rộng 03m được trải bê-tông xi-măng, không có vạch kẻ đường chia thành hai chiều xe chạy riêng biệt, hướng khám nghiệm từ cầu T đi xã H, tất cả dấu vết đo vẽ vào lề trái theo hướng khám nghiệm, kết quả như sau:

+ Xe mô tô ba bánh biển số 60Y2-xxxx có bánh xe sau bên phải nằm trên mặt đường cách lề trái 0,80m; bánh xe sau bên trái nằm trong lề, cách lề trái 0,43m và cách gốc dừa 1,10m; bánh xe trước nằm trong lề trái, cách lề trái 0,56m, cách gốc dừa 1,40m.

+ Điểm gần nhất bên trái thùng xe cách gốc dừa 0,32m, cách mặt đất 0,49m. Thùng đỡ phụ tùng có kích thước (0,225 x 0,205 x 0,295)m cao nhất cách mặt đất 0,63m cao nhất cách cây dừa 0,32m.

+ Xe mô tô ba bánh biển số 60Y2-xxxx để lại trên hiện trường hai vết ma sát và một vết trượt: Vết ma sát thứ nhất do bánh xe sau bên trái tạo ra dạng đường thẳng có kích thước 0,60m x 0,33m theo chiều hướng từ mặt đường vào trong lề đất bên trái, có điểm đầu cách lề trái 0,32m và điểm cuối cách lề trái 0,38m; vết ma sát thứ hai do bánh xe sau bên phải tạo ra dạng đường thẳng có kích thước 0,30m x 0,13m có điểm đầu cách lề trái 1,30m và điểm cuối cách lề trái 1,15m.

+ Vết trượt do bánh xe trước tạo ra dạng đường cong liên nét dài 2,17m, có điểm đầu nằm trên mặt đường cách lề trái 0,10m, có điểm cuối nằm trong lề trái và cách lề trái 0,50m.

+ Vị trí cây dừa nằm trong lề trái, gốc dừa có chu vi 1,20m và cách lề trái 1,10m; thân cây dừa có hai vết ma sát bong tróc vỏ, vết thứ nhất kích thước 0,20m x 0,08m điểm cao nhất cách đất 1,40m, thấp nhất cách đất 1,20m, vết thứ hai có kích thước 0,08m x 0,03m điểm cao nhất cách đất 1,93m thấp nhất cách đất 1,85m.

+ Vùng va chạm giữa xe mô tô ba bánh biển số 60Y2-xxxx và thân cây dừa là mặt trước thân dừa (theo hướng khám nghiệm) chiếu vuông góc xuống mặt đất cách lề trái 1,20m, điểm cao nhất cách đất 1,93m và điểm thấp nhất cách đất 1,20m.

Kết quả khám nghiệm phương tiện xe mô tô ba bánh biển số 60Y2-xxxx ghi nhận:

+ Thùng xe dài 1,80m, cao nhất cách đất 2,03m, rộng 1,30m; phía trước bên trái thùng xe có gắn một thùng đựng phụ tùng có kích thước 0,225m x 2,205m x

0,295m, mặt thùng cao nhất cách nền 0,63m. Số khung HKZ xxxxxx, số máy LX162MK-PCxxxxxx. Đèn chuyển hướng phải phía sau hư hỏng, phanh tay trước hỏng.

Tại bản kết luận giám y về tử thi số 169TT, ngày 24/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận nạn nhân Trương Quốc P chết do chấn thương vùng ngực, bụng gây sốc mất máu.

Ngày 10/4/2017 Cục đăng kiểm Việt Nam có kết luận giám định xác xe biển số 60Y2-xxxx:

+ Loại phương tiện có hình dáng giống xe ba bánh chở hàng tự chế; động cơ lắp trên xe ghi dung tích xi-lanh 175 cm³; xe được giám định là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; đây là xe có hình dáng giống xe ba bánh chở hàng tự chế theo quy định thì xe bị cấm lưu thông trên đường.

+ Ngày 09/02/2017 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận số khung, số máy trước và sau giám định không bị thay đổi. Ngày 09/7/2017 Phân viện KHKTHS (C54B) kết luận dung tích xi-lanh xe mô tô biển số 60Y2-xxxx được xác định là 179,886cm³; hệ thống phanh, cơ cấu lái hiện tại và trước khi tham gia giao thông không bị hư hỏng do sự cố kỹ thuật.

Trong quá trình điều tra, Trương Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2017/HS-ST ngày 28-12-2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trương Văn P phạm “Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Trương Văn P 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng; án phí; quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/01/2018 bị cáo Trương Văn P kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo khai nhận hành vi phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm, bị cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm của Kiểm sát viên giải quyết vụ án thể hiện như sau:

Cho rằng kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về “Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” và áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Trương Văn P 09

(Chín) tháng tù là có cơ sở. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường mai táng phí, bị cáo là lao động chính trong gia đình, gia đình có bốn người phụ thuộc vào bị cáo (gồm cha, mẹ của bị cáo và hai con của bị cáo), vợ đã ly thân, đại diện hợp pháp của bị hại và nhiều người dân nơi cư trú của bị cáo có đơn yêu cầu cho bị cáo được hưởng án treo, bị cáo có nhân thân tốt, hoàn cảnh khó khăn. Nên không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo. Đề nghị căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Trương Văn P 09 (Chín) tháng tù về “Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”, cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm 06 tháng. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Lời nói sau cùng của bị cáo yêu cầu được hưởng án treo để nuôi cha, mẹ già và hai con nhỏ.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 10 giờ ngày 15/11/2016, trên đường ĐA.09 thuộc ấp Định Thái, xã T, huyện N, Trương Văn P không có giấy phép lái xe theo quy định điều khiển xe mô tô ba bánh gắn biển số 60Y2 – xxxx chở anh Trương Quốc P tham gia giao thông, do không làm chủ tay lái để xe đụng vào cây dừa trong lề trái gây tai nạn (Vi phạm khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ); hậu quả làm anh P tử vong tại hiện trường. Với ý thức hành vi và hậu quả do bị cáo đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Trương Văn P phạm “Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường xong chi phí mai táng cho bị hại. Gia đình

bị cáo có công với cách mạng, cha của bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhì. Đại diện hợp pháp của bị hại có đơn yêu cầu không xử lý hình sự đối với bị cáo, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là phù hợp. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp đơn xác nhận hoàn cảnh khó khăn: bị cáo phải nuôi cha mẹ già yếu (cha 89 tuổi, mẹ 86 tuổi) và hai con nhỏ, vợ ly thân, bị cáo là lao động chính trong gia đình; đại diện hợp pháp của bị hại (ông Trương Văn T và gia đình) tiếp tục có đơn yêu cầu cho hưởng án treo và tập thể nhân dân xã T, huyện N có đơn yêu cầu cho hưởng án treo, điều này thể hiện bị cáo là công dân tốt. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, gia cảnh khó khăn. Với mức hình phạt tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mà ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo, cũng như Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Do vậy, chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Trương Văn P không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa Bản án sơ thẩm số: 31/2017/HSST ngày 28-12-2017 của Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Tuyên bố bị cáo Trương Văn P phạm “Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo **Trương Văn P** 09 (chín) tháng tù. Cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 06/4/2018.

Giao bị cáo Trương Văn P về cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[2] Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Trương Văn P không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí không

có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Vụ GDKT I TANDTC (1b);
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư Pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- TAND huyện Mô Cày Nam (3b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (1b);
- Công an thành huyện Mô Cày Nam (1b);
- UBND xã T – h. N (1b);
- Bị cáo tại ngoại (1b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- Tòa Hình sự, Phòng KTNV&THA, Văn Phòng Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre (6b);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Văn Tỉnh